

VAI TRÒ CỦA NGOẠI GIAO KINH TẾ TRONG ĐỊNH HƯỚNG THU HÚT FDI VÌ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM

TS. Đoàn Thanh Thủy

Trường Đại học Lao động - Xã hội

thuydt@ulsa.edu.vn

Tóm tắt: Trong bối cảnh phát triển bền vững trở thành yêu cầu trung tâm của chiến lược phát triển quốc gia, việc nâng cao chất lượng dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đặt ra những yêu cầu mới đối với vai trò của ngoại giao kinh tế. Bài viết phân tích vai trò của ngoại giao kinh tế trong định hướng thu hút FDI vì phát triển bền vững ở Việt Nam, dựa trên khung lý thuyết kết hợp giữa ngoại giao kinh tế và FDI bền vững. Thông qua phương pháp phân tích tài liệu, thống kê và so sánh, nghiên cứu làm rõ cách thức ngoại giao kinh tế góp phần tạo dựng môi trường đối ngoại thuận lợi, điều phối lợi ích giữa các chủ thể và hoàn thiện chính sách nhằm nâng cao chất lượng dòng vốn FDI. Kết quả nghiên cứu cho thấy, ngoại giao kinh tế không chỉ đóng vai trò xúc tiến đầu tư, mà còn là cơ chế “neo giữ kỳ vọng đầu tư”¹, giúp duy trì dòng vốn FDI ổn định, thúc đẩy FDI công nghệ cao, FDI xanh và FDI tái đầu tư. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy hiệu quả hơn vai trò của ngoại giao kinh tế trong thu hút FDI phục vụ mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam trong giai đoạn tới.

Từ khóa: Ngoại giao kinh tế; đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI); phát triển bền vững; định hướng thu hút FDI; Việt Nam.

THE ROLE OF ECONOMIC DIPLOMACY IN SHAPING FDI ATTRACTION FOR SUSTAINABLE DEVELOPMENT IN VIETNAM

Abstract: In the context where sustainable development has become a central objective of national development strategies, improving the quality of foreign direct investment (FDI) inflows poses new requirements for economic diplomacy. This article examines the role of economic diplomacy in orienting and attracting FDI for sustainable development in Vietnam, drawing on a conceptual framework that integrates economic diplomacy and sustainable FDI. Using qualitative methods, including document analysis, statistical analysis, and comparative assessment, the study clarifies how economic diplomacy contributes to creating a favorable external environment, coordinating interests among key stakeholders, and improving policy frameworks to enhance the quality of FDI inflows. The findings indicate that economic diplomacy plays not only a facilitative role in investment promotion but also functions as an “investment expectation anchoring” mechanism, helping to stabilize FDI inflows and promote

¹ Trong bài viết này, khái niệm “neo giữ kỳ vọng đầu tư” được sử dụng để chỉ vai trò của ngoại giao kinh tế trong việc tạo dựng và duy trì niềm tin của các nhà đầu tư quốc tế đối với môi trường kinh doanh của một quốc gia. Thông qua các hoạt động ngoại giao cấp cao, đối thoại chính sách và cam kết hợp tác dài hạn, ngoại giao kinh tế góp phần ổn định kỳ vọng của nhà đầu tư và giảm thiểu rủi ro chính sách.

high-technology, green, and reinvested FDI. On this basis, the article proposes several policy implications to further strengthen the role of economic diplomacy in attracting FDI in support of Vietnam's sustainable development objectives in the coming period.

Keywords: Economic diplomacy; Foreign direct investment (FDI); sustainable development; FDI attraction orientation; Vietnam.

Mã bài báo: JHS-334

Ngày nhận bài sửa: 30/03/2026

Ngày nhận bài: 11/02/2026

Ngày duyệt đăng: 20/4/2026

Ngày nhận phản biện: 05/03/2026

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tiếp tục giữ vai trò quan trọng đối với tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nhiều quốc gia đang phát triển. Tuy nhiên, trước những thách thức ngày càng gia tăng liên quan đến môi trường, xã hội và tính bền vững của tăng trưởng, trọng tâm thu hút FDI đang dịch chuyển từ mục tiêu gia tăng quy mô sang nâng cao chất lượng, hướng tới phát triển bền vững. Trong xu thế đó, ngoại giao kinh tế nổi lên như một công cụ quan trọng của nhà nước trong việc tạo dựng môi trường quốc tế thuận lợi, định hướng dòng vốn đầu tư phù hợp với chiến lược phát triển dài hạn.

Đối với Việt Nam, FDI đã và đang đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế, mở rộng xuất khẩu và hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, chất lượng FDI còn chưa đồng đều, mức độ lan tỏa công nghệ và liên kết với khu vực kinh tế trong nước còn hạn chế, trong khi các vấn đề về môi trường và phát triển bền vững ngày càng được đặt ra. Trong bối cảnh đó, việc phát huy vai trò của ngoại giao kinh tế không chỉ nhằm thu hút thêm nguồn vốn đầu tư mà còn góp phần định hướng FDI theo các tiêu chí bền vững, phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2. Tổng quan nghiên cứu và cơ sở lý thuyết

2.1. Tổng quan nghiên cứu

Trong những thập niên gần đây, mối quan hệ giữa ngoại giao kinh tế và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đã trở thành chủ đề quan trọng trong nghiên cứu kinh tế chính trị quốc tế. Nhiều công trình cho rằng ngoại giao kinh tế, thông qua các hoạt động ngoại giao song phương và đa phương, mạng lưới cơ quan đại diện ở nước ngoài và các hiệp định kinh tế quốc tế, góp phần tạo dựng môi trường chính trị - kinh tế ổn định, củng cố niềm tin của nhà đầu tư và qua đó thúc đẩy dòng vốn FDI vào quốc gia tiếp nhận (Bayne & Woolcock, 2017; Rana, 2011). Các nghiên

cứ thực nghiệm cũng cho thấy, sự hiện diện của các cơ quan ngoại giao và các chuyến thăm cấp cao có thể gia tăng đáng kể dòng vốn đầu tư và thương mại song phương (Rose, 2007; Moons & van Bergeijk, 2013).

Song song với đó, dòng nghiên cứu về FDI và phát triển bền vững nhấn mạnh rằng FDI chỉ thực sự đóng góp tích cực cho phát triển khi gắn với chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất trong nước và tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường - xã hội (UNCTAD, 2014, 2023). Nhiều nghiên cứu cho rằng, tác động của FDI phụ thuộc đáng kể vào chất lượng dòng vốn và khả năng hấp thụ của nền kinh tế tiếp nhận (Borensztein et al., 1998; Alfaro et al., 2004). Trong bối cảnh này, vai trò định hướng của Nhà nước trong thu hút FDI ngày càng được nhấn mạnh.

Ở Việt Nam, các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào tác động của FDI đối với tăng trưởng kinh tế, xuất khẩu và chuyển dịch cơ cấu kinh tế (Nguyen & Nguyen, 2007; CIEM, 2020), trong khi các nghiên cứu về ngoại giao kinh tế chủ yếu phân tích vai trò của ngoại giao trong mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại và xúc tiến đầu tư (Khoan, 2015 & Dũng, 2018). Tuy nhiên, vẫn còn thiếu các công trình phân tích một cách hệ thống vai trò của ngoại giao kinh tế trong định hướng thu hút FDI vì phát triển bền vững. Khoảng trống này đặt ra yêu cầu nghiên cứu sâu hơn về cách thức ngoại giao kinh tế có thể trở thành công cụ chính sách nhằm lựa chọn và dẫn dắt các dòng vốn FDI phù hợp với mục tiêu phát triển dài hạn của Việt Nam.

2.2. Cơ sở lý thuyết và khung phân tích

2.2.1. Khái niệm

Ngoại giao kinh tế được hiểu là tổng thể các hoạt động đối ngoại của nhà nước nhằm thúc đẩy lợi ích kinh tế quốc gia thông qua việc sử dụng các công cụ ngoại giao, bao gồm đàm phán quốc tế, thiết lập quan hệ đối tác, xúc tiến thương mại và đầu tư, cũng như điều phối chính sách giữa các chủ thể trong và ngoài

nước. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, ngoại giao kinh tế không chỉ hướng tới mở rộng thị trường mà còn góp phần định hình môi trường thể chế quốc tế thuận lợi cho phát triển kinh tế quốc gia (Bayne & Woolcock, 2017; Okano-Heijmans, 2011).

Đối với các quốc gia đang phát triển, ngoại giao kinh tế ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc thu hút nguồn lực bên ngoài, đặc biệt là đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), thông qua việc xây dựng niềm tin đối tác, quảng bá môi trường đầu tư và thúc đẩy các khuôn khổ hợp tác kinh tế song phương và đa phương.

FDI vì phát triển bền vững được hiểu là các dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài không chỉ hướng tới lợi nhuận kinh tế mà còn đáp ứng các tiêu chí về môi trường, xã hội và quản trị (ESG), góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế dài hạn, chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất trong nước và bảo vệ môi trường (UNCTAD, 2023; OECD, 2015).

Trong bối cảnh cạnh tranh thu hút FDI ngày càng gay gắt, nhiều quốc gia chuyển từ mục tiêu “thu hút nhiều FDI” sang “thu hút FDI chất lượng cao”, chú trọng các lĩnh vực như công nghệ cao, kinh tế xanh, đổi mới sáng tạo và liên kết với doanh nghiệp trong nước.

2.2.2. Khung phân tích

Trên cơ sở kết hợp các tiếp cận về ngoại giao kinh tế, đầu tư quốc tế và phát triển bền vững, bài viết xây dựng khung phân tích về vai trò của ngoại giao kinh tế trong định hướng thu hút FDI theo ba cơ chế chính:

(1) Tạo dựng môi trường đối ngoại thuận lợi cho đầu tư thông qua thiết lập quan hệ đối tác chiến lược, ký kết hiệp định thương mại và đầu tư, cũng như tăng cường lòng tin giữa các chủ thể kinh tế quốc tế.

(2) Định hướng dòng vốn FDI theo tiêu chí chất lượng, bao gồm khuyến khích FDI công nghệ cao, FDI xanh và các dự án có khả năng tạo liên kết với khu vực doanh nghiệp trong nước.

(3) Điều phối lợi ích và kỳ vọng của các nhà đầu tư, qua đó ổn định môi trường đầu tư và duy trì dòng vốn FDI lâu dài.

Khung phân tích này cho phép đánh giá vai trò của ngoại giao kinh tế không chỉ ở khía cạnh xúc tiến đầu tư, mà còn trong việc định hình cấu trúc và chất lượng của dòng vốn FDI phục vụ mục tiêu phát triển bền vững.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính kết hợp với phân tích dữ liệu thứ cấp. Nguồn dữ liệu

được thu thập từ các báo cáo chính thức của Chính phủ Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính), Ngân hàng Thế giới (WB), UNCTAD và các tổ chức quốc tế liên quan đến đầu tư nước ngoài và phát triển bền vững.

Tiêu chí lựa chọn dữ liệu bao gồm: (i) tính chính thống và độ tin cậy của nguồn dữ liệu; (ii) khả năng phản ánh xu hướng FDI tại Việt Nam trong giai đoạn 2010--2025; và (iii) mức độ liên quan đến các chỉ báo của FDI bền vững như công nghệ, môi trường và liên kết nội địa.

Các phương pháp phân tích được sử dụng gồm phân tích tài liệu, so sánh quốc tế và so sánh theo giai đoạn chính sách nhằm làm rõ cơ chế tác động của ngoại giao kinh tế đối với định hướng thu hút FDI tại Việt Nam.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Vai trò của ngoại giao kinh tế trong định hướng thu hút FDI vì phát triển bền vững ở Việt Nam

4.1.1. Ngoại giao kinh tế trong tạo dựng môi trường thuận lợi cho thu hút FDI bền vững

Một trong những vai trò cơ bản của ngoại giao kinh tế trong định hướng thu hút FDI ở Việt Nam là tạo dựng môi trường chính trị - đối ngoại ổn định, qua đó củng cố niềm tin của nhà đầu tư nước ngoài đối với triển vọng phát triển dài hạn của nền kinh tế. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng, ổn định chính trị và quan hệ đối ngoại thuận lợi là những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của các tập đoàn đa quốc gia, đặc biệt đối với các dự án FDI dài hạn, có hàm lượng công nghệ và vốn lớn (Okano-Heijmans, 2011; Moons & van Bergeijk, 2013).

Đối với Việt Nam, việc kiên trì thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa và đa dạng hóa quan hệ quốc tế đã tạo ra một nền tảng chính trị - ngoại giao ổn định cho hợp tác đầu tư dài hạn. Việc thiết lập và nâng cấp quan hệ đối tác chiến lược và đối tác chiến lược toàn diện với nhiều trung tâm kinh tế lớn như Nhật Bản, Hàn Quốc, Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu không chỉ mở rộng không gian hợp tác kinh tế mà còn tạo khuôn khổ thể chế thuận lợi cho các dòng vốn FDI (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2021; UNCTAD, 2023).

Thực tiễn cho thấy, phần lớn các đối tác chiến lược của Việt Nam cũng đồng thời là những nhà đầu tư FDI lớn nhất tại Việt Nam. Điều này cho thấy mối liên hệ chặt chẽ giữa quan hệ ngoại giao và dòng vốn đầu tư quốc tế. Thông qua các khuôn khổ hợp tác song phương và đa phương, ngoại giao kinh tế đã góp phần

giảm chi phí thông tin, nâng cao độ tin cậy của môi trường đầu tư và tạo điều kiện để các tập đoàn đa quốc gia mở rộng hoạt động sản xuất tại Việt Nam.

Ở góc độ phát triển bền vững, vai trò này càng trở nên quan trọng khi các nhà đầu tư quốc tế ngày càng chú trọng các yếu tố ổn định thể chế, minh bạch chính sách và trách nhiệm xã hội trong quyết định đầu tư. Do đó, ngoại giao kinh tế không chỉ góp phần thu hút FDI về quy mô, mà còn tạo điều kiện để lựa chọn và thu hút các nhà đầu tư có chiến lược dài hạn, phù hợp với định hướng phát triển bền vững của Việt Nam (OECD, 2015)

4.1.2. Ngoại giao kinh tế trong định hướng nâng cao chất lượng dòng vốn FDI theo hướng bền vững

Bên cạnh việc tạo dựng môi trường đầu tư thuận lợi, ngoại giao kinh tế còn đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng dòng vốn FDI phù hợp với chiến lược phát triển của quốc gia. Trong bối cảnh chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh và bền vững, việc nâng cao chất lượng FDI trở thành mục tiêu quan trọng của chính sách kinh tế đối ngoại.

Thông qua quá trình đàm phán và ký kết các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, Việt Nam đã từng bước lồng ghép các tiêu chuẩn về môi trường, lao động và minh bạch hóa thể chế vào các khuôn khổ hợp tác kinh tế quốc tế. Các hiệp định như CPTPP và EVFTA không chỉ mở rộng thị trường xuất khẩu mà còn thiết lập các tiêu chuẩn cao hơn đối với hoạt động đầu tư, qua đó khuyến khích các nhà đầu tư tuân thủ các chuẩn mực phát triển bền vững (WTO, 2020; UNCTAD, 2014).

Những cam kết này tạo ra một cơ chế sàng lọc gián tiếp đối với các dòng vốn FDI, bởi các doanh nghiệp có năng lực công nghệ, quản trị và trách nhiệm xã hội cao thường có khả năng đáp ứng tốt hơn các tiêu chuẩn quốc tế. Điều này góp phần định hướng dòng vốn đầu tư vào các lĩnh vực có giá trị gia tăng cao như công nghiệp công nghệ cao, kinh tế số, năng lượng tái tạo và nông nghiệp công nghệ cao.

Ngoài ra, các hoạt động xúc tiến đầu tư thông qua hệ thống cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài ngày càng được triển khai theo hướng có chọn lọc hơn. Thay vì chỉ tập trung quảng bá môi trường đầu tư chung, các hoạt động ngoại giao kinh tế ngày càng hướng tới việc tiếp cận trực tiếp các tập đoàn đa quốc gia có tiềm lực công nghệ và tài chính mạnh, phù hợp với định hướng phát triển dài hạn của Việt Nam.

Như vậy, ngoại giao kinh tế không chỉ đóng vai trò “kéo” dòng vốn FDI vào Việt Nam mà còn góp phần

định hình cấu trúc và chất lượng của dòng vốn này theo các tiêu chí phát triển bền vững.

4.1.3. Ngoại giao kinh tế điều phối lợi ích giúp mở rộng thu hút FDI bền vững

Trong bối cảnh toàn cầu hóa gắn với cạnh tranh chiến lược, chuyển dịch chuỗi cung ứng và yêu cầu phát triển bền vững ngày càng cao, ngoại giao kinh tế không chỉ đóng vai trò xúc tiến đầu tư, mà còn trở thành cơ chế điều phối lợi ích đa tầng nhằm mở rộng thu hút FDI theo hướng dài hạn, ổn định và có chất lượng (Bayne & Woolcock, 2017; UNCTAD, 2023). Đối với Việt Nam, vai trò này ngày càng được thể hiện rõ nét trong quá trình chuyển từ mô hình “thu hút FDI bằng ưu đãi” sang mô hình “định hướng FDI bền vững” (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2021).

Ngoại giao kinh tế giữ vai trò trung gian chiến lược trong việc điều hòa lợi ích giữa Nhà nước - nhà đầu tư nước ngoài - địa phương - doanh nghiệp trong nước. Thông qua các kênh đối thoại song phương, đa phương, cơ chế ủy ban hỗn hợp, diễn đàn doanh nghiệp và tham vấn chính sách, ngoại giao kinh tế giúp giảm thiểu xung đột lợi ích, đồng thời xây dựng sự đồng thuận về mục tiêu phát triển dài hạn (Rana, 2011).

Ở cấp độ quốc tế, ngoại giao kinh tế giúp Việt Nam kết nối lợi ích quốc gia với lợi ích của nhà đầu tư chiến lược, đặc biệt là các tập đoàn đa quốc gia có định hướng đầu tư xanh, công nghệ cao và trách nhiệm xã hội. Việc duy trì đối thoại thường xuyên với các đối tác lớn như Nhật Bản, Hàn Quốc, EU, Hoa Kỳ không chỉ nhằm thu hút vốn mới, mà còn tạo điều kiện để nhà đầu tư hiện hữu mở rộng quy mô, tái đầu tư và nâng cấp chuỗi giá trị tại Việt Nam (UNCTAD, 2023; World Bank, 2020).

Ở cấp độ trong nước, ngoại giao kinh tế góp phần điều phối lợi ích giữa trung ương và địa phương, hạn chế tình trạng cạnh tranh thu hút FDI bằng mọi giá. Thông qua việc truyền tải thông điệp chính sách nhất quán về phát triển bền vững, ngoại giao kinh tế giúp định hướng các địa phương lựa chọn dự án phù hợp với chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo (OECD, 2015; Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2021).

Thông qua việc đa dạng hóa đối tác và thị trường, ngoại giao kinh tế giúp Việt Nam mở rộng không gian thu hút FDI bền vững, tránh phụ thuộc quá mức vào một số nguồn vốn truyền thống. Việc chủ động thúc đẩy quan hệ với các nền kinh tế có thể mạnh về công nghệ xanh, đổi mới sáng tạo và quản trị bền vững đã tạo

điều kiện thu hút các dòng FDI có chất lượng cao hơn.

Như vậy, ngoại giao kinh tế không chỉ là công cụ hỗ trợ thu hút FDI về mặt số lượng mà còn giữ vai trò ngày càng quan trọng trong định hướng dòng vốn FDI vì phát triển bền vững. Thông qua việc tạo dựng môi trường đối ngoại thuận lợi, lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững vào các khuôn khổ hợp tác kinh tế quốc tế, xúc tiến đầu tư có chọn lọc và điều phối lợi ích giữa các chủ thể liên quan, ngoại giao kinh tế đã và đang góp phần nâng cao chất lượng FDI và tăng cường đóng góp của FDI đối với phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam.

4.2. Thực trạng phát huy vai trò ngoại giao kinh tế trong thu hút FDI ở Việt Nam theo hướng bền vững

4.2.1. Ngoại giao kinh tế với vai trò duy trì dòng vốn FDI ổn định

Trong những năm gần đây, ngoại giao kinh tế đã góp phần quan trọng trong việc duy trì dòng vốn FDI ổn định vào Việt Nam, ngay cả trong bối cảnh kinh tế toàn cầu nhiều biến động. Các hoạt động đối ngoại cấp cao, việc mở rộng quan hệ đối tác chiến lược và sự tham gia tích cực của Việt Nam trong các diễn đàn kinh tế quốc tế đã giúp củng cố niềm tin của các nhà đầu tư quốc tế. Trong vòng hai thập kỷ qua, Việt Nam thiết lập quan hệ đối tác chiến lược và toàn diện với nhiều đối tác chủ lực như Nhật Bản, Hàn Quốc, Liên minh châu Âu (EU) và Hoa Kỳ. Các đối tác này không chỉ là thị trường xuất khẩu lớn mà còn là nguồn vốn FDI chủ lực, đặc biệt trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghệ cao và dịch vụ có giá trị gia tăng cao. Chẳng hạn, Nhật Bản, một trong những nhà đầu tư lớn nhất ở Việt Nam, đã đầu tư vào nhiều dự án công nghệ cao và kết nối chuỗi cung ứng toàn cầu, phản ánh vai trò của ngoại giao cấp cao trong hướng dòng vốn này vào các lĩnh vực chiến lược.

Mặt khác, việc Việt Nam tham gia các diễn đàn hợp tác đa phương như APEC, ASEAN, và các diễn đàn kinh tế khu vực đã giúp nâng cao vị thế quốc gia và đưa ra các thông điệp chính sách rõ ràng về cam kết tiếp tục thu hút FDI theo định hướng bền vững. Các thông điệp này được các cơ quan đại diện ngoại giao tại nước ngoài truyền tải đến cộng đồng doanh nghiệp quốc tế, góp phần thu hút nhà đầu tư có kỳ vọng đầu tư dài hạn.

Dữ liệu giai đoạn 2020-2025 cho thấy, dòng vốn FDI vào Việt Nam không suy giảm mạnh ngay cả trong bối cảnh bất ổn toàn cầu (đại dịch Covid-19, xung đột địa chính trị, đứt gãy chuỗi cung ứng), mà ngược lại có xu hướng phục hồi và tăng dần sau năm 2022 .

Bảng 1. Dòng vốn FDI vào Việt Nam giai đoạn 2020-2025

Năm	FDI thực hiện (tỷ USD)	Ghi chú chính sách - đối ngoại
2020	15,8	Duy trì ngoại giao đa phương, kiểm soát dịch
2021	15,66	Thúc đẩy ngoại giao vaccine, phục hồi đầu tư
2022	17,9	Tận dụng CPTPP, EVFTA sau dịch
2023	18,5	Ngoại giao chuỗi cung ứng, công nghiệp bán dẫn
2024	20,17	Gia tăng FDI công nghệ, năng lượng sạch
2025	~27,6 (giải ngân)	Mức cao nhất 5 năm, ổn định chính sách

Nguồn: Tổng hợp từ UNCTAD, World Investment Report (các năm 2021-2024); Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2023, 2024); Vietnam News (2025).

Phân tích thực nghiệm dựa trên diễn biến dòng vốn FDI vào Việt Nam qua các giai đoạn cho thấy một đặc điểm nổi bật: FDI vào Việt Nam có xu hướng biến động thấp hơn và phục hồi nhanh hơn so với nhiều nền kinh tế đang phát triển khác. Kết quả này không thể được lý giải đầy đủ chỉ bằng các yếu tố kinh tế nội tại, mà cần được đặt trong khuôn khổ rộng hơn của ngoại giao kinh tế như một cơ chế “neo giữ kỳ vọng đầu tư”.

Ngoại giao kinh tế của Việt Nam đã góp phần phát đi những tín hiệu cam kết chính trị - thể chế mang tính dài hạn, giúp nhà đầu tư quốc tế điều chỉnh kỳ vọng theo quỹ đạo ổn định, thay vì phản ứng thái quá trước các cú sốc ngắn hạn của chu kỳ kinh tế toàn cầu. Việc duy trì quan hệ đối tác chiến lược với các trung tâm FDI chủ chốt, chủ động tham gia và thực thi các hiệp định kinh tế quốc tế thế hệ mới, cũng như duy trì đối thoại chính sách thường xuyên với cộng đồng doanh nghiệp nước ngoài đã tạo ra một “neo kỳ vọng” hiệu quả, qua đó giảm thiểu rủi ro nhận thức và củng cố niềm tin dài hạn của nhà đầu tư.

4.2.2. Ngoại giao kinh tế với vai trò nâng cao chất lượng nguồn vốn FDI theo hướng bền vững

Trong giai đoạn phát triển mới, Việt Nam đang từng bước chuyển từ mục tiêu thu hút FDI theo số lượng sang nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính bền vững của dòng vốn FDI. Sự chuyển dịch này phản ánh yêu cầu nội tại của quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời phù hợp với xu hướng quốc tế về

đầu tư có trách nhiệm và phát triển bền vững. Thực tiễn cho thấy, Việt Nam đã đạt được những kết quả bước đầu đáng ghi nhận, song vẫn tồn tại không ít hạn chế và thách thức cần được nhìn nhận một cách khách quan.

Trước hết, cơ cấu dòng vốn FDI có sự cải thiện theo hướng tích cực, với sự gia tăng tỷ trọng đầu tư vào các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghệ cao, điện tử, công nghiệp hỗ trợ và một số lĩnh vực dịch vụ hiện đại. Nhiều dự án FDI quy mô lớn của các tập đoàn đa quốc gia đã lựa chọn Việt Nam làm cứ

điểm sản xuất dài hạn, góp phần đưa Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.

Bên cạnh đó, chất lượng thể chế và môi trường đầu tư từng bước được cải thiện thông qua việc sửa đổi Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, cũng như việc thực thi các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Các cam kết về minh bạch hóa chính sách, bảo hộ đầu tư, tiêu chuẩn lao động và môi trường đã tạo điều kiện thu hút những nhà đầu tư có năng lực, chiến lược dài hạn và mức độ tuân thủ cao hơn đối với các chuẩn mực phát triển bền vững.

Bảng 2. Cơ cấu FDI theo ngành (2025)

Ngành	Vốn đăng ký (tỷ USD)	Tỷ trọng (%)	Hàm ý ngoại giao kinh tế
Chế biến - chế tạo	~9,8	56,5	Ngoại giao chuỗi cung ứng, công nghệ
Bất động sản	~3,67	21,2	Thu hút vốn dài hạn, kiểm soát rủi ro
Dịch vụ & công nghệ	~3,85	22,3	Ngoại giao chuyển đổi số, xanh

Nguồn: Tổng hợp từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2025); Vietnam Law Magazine (2025).

Cơ cấu FDI năm 2025 cho thấy, ngành công nghiệp chế biến - chế tạo chiếm trên 56% tổng vốn đăng ký, tiếp theo là bất động sản và các ngành dịch vụ hiện đại. Đây là dấu hiệu cho thấy Việt Nam đang chủ động định hướng FDI vào các ngành có khả năng tạo giá trị gia tăng và tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu, thay vì chỉ thu hút các dự án thâm dụng tài nguyên hoặc lao động giá rẻ.

Với mục tiêu thu hút dòng vốn vào các ngành có giá trị gia tăng lớn và gắn với công nghệ, Việt Nam đã thu hút ngày càng nhiều vốn FDI vào lĩnh vực sản xuất công nghệ cao và khu công nghiệp sinh thái. Theo báo cáo của Cục Thống kê (Bộ Tài chính), tính đến ngày 30/9/2025, tổng vốn FDI đăng ký đạt 28,54 tỷ USD, tăng 15,2% so với cùng kỳ năm trước, và phần đáng kể của tăng trưởng này đến từ các dự án thuộc lĩnh vực sản xuất công nghệ cao như điện tử, linh kiện và công nghệ số. Trong những tháng đầu năm 2025, Việt Nam thu hút hơn 7 tỷ USD FDI đăng ký mới, tăng khoảng 35,5% so với cùng kỳ năm trước, với dòng vốn tập trung vào các lĩnh vực sản xuất công nghệ cao, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số và dược phẩm - những ngành được coi là nền tảng của công nghệ và tăng trưởng bền vững (Cục Thống kê, 2025).

Không chỉ dừng lại ở công nghệ cao, xu hướng FDI xanh - tức vốn đầu tư vào các ngành kinh tế năng lượng sạch, thân thiện môi trường - cũng trở nên rõ nét hơn. Trong chiến lược thu hút vốn 2025-2030, các địa phương như Hà Nội đã ưu tiên thu hút FDI xanh,

năng lượng sạch, trung tâm dữ liệu xanh và sản xuất công nghệ thân thiện môi trường, thể hiện sự chuyển dịch chiến lược từ lượng sang chất của vùng đầu tư. Nhờ vậy, FDI vào các dự án năng lượng sạch, công nghiệp sinh thái và khu công nghiệp thông minh đang có tăng trưởng đáng kể, phù hợp với xu hướng đầu tư bền vững toàn cầu.

4.2.3. Ngoại giao kinh tế với vai trò điều phối lợi ích mở rộng thu hút FDI bền vững

Ngoại giao kinh tế cũng đóng vai trò quan trọng trong việc điều phối lợi ích và hoàn thiện khung thể chế thu hút FDI theo hướng bền vững. Thông qua các cơ chế đối thoại chính sách và phản hồi từ cộng đồng doanh nghiệp quốc tế, nhiều vấn đề liên quan đến môi trường đầu tư đã được nhận diện và điều chỉnh kịp thời. Chẳng hạn, các diễn đàn như Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (VBF), các cơ chế đối thoại trong khuôn khổ hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và các cuộc tham vấn với nhà đầu tư nước ngoài đã góp phần thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính, nâng cao tính minh bạch và cải thiện môi trường kinh doanh tại Việt Nam (World Bank, 2020; OECD, 2015).

Bên cạnh đó, các cam kết quốc tế về đầu tư và thương mại cũng tạo áp lực cải cách thể chế theo hướng phù hợp với các tiêu chuẩn môi trường, lao động và quản trị. Qua đó góp phần nâng cao chất lượng dòng vốn FDI và tăng cường tính bền vững của quá trình phát triển (UNCTAD, 2014; European Commission, 2020).

Sự nhất quán trong chính sách đối ngoại và phát triển kinh tế - xã hội giúp ngoại giao kinh tế điều phối lợi ích giữa trung ương và địa phương, tránh tình trạng cạnh tranh “chạy đua ưu đãi” không bền vững. Các hoạt động đối thoại chính sách, diễn đàn xúc tiến đầu tư quốc tế và vòng kết nối doanh nghiệp - chính quyền địa phương đều diễn ra thường xuyên, tạo sự đồng thuận trong định hướng thu hút dòng vốn FDI có chất lượng cao hơn.

Bên cạnh đó, ngoại giao kinh tế cũng đóng vai trò quan trọng trong việc điều chỉnh, hoàn thiện thể chế thu hút FDI theo tiêu chí bền vững. Bộ Chính trị và Chính phủ đã ban hành nhiều định hướng chiến lược về FDI, trong đó nhấn mạnh việc thu hút các dự án có hàm lượng công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn, thân thiện với môi trường và phù hợp với định hướng phát triển bền vững đến năm 2030. Đặc biệt, Nghị quyết và các chỉ thị chuyên đề giúp tạo sự thống nhất trong triển khai chính sách trên toàn hệ thống, góp phần nâng cao tính minh bạch và độ dự đoán của chính sách thu hút FDI. Kết quả là môi trường đầu tư của Việt Nam ngày càng được cải thiện, giúp dòng vốn đăng ký và giải ngân FDI tăng mạnh. Cụ thể, trong năm 2023-2025, FDI đăng ký và thực hiện đều lần lượt ghi nhận các mức cao kỷ lục: Theo Cục Thống kê, FDI đăng ký đạt 21,5 tỷ USD trong nửa đầu năm 2025, tăng 32,6% so với cùng kỳ năm trước, và giải ngân đạt 11,7 tỷ USD, đạt mức cao nhất trong 15 năm qua (Cục Thống kê, 2025).

Các đại sứ quán và cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài đóng vai trò then chốt trong việc phối hợp các hoạt động xúc tiến, giới thiệu cơ hội đầu tư theo chiến lược bền vững, hỗ trợ các địa phương tiếp cận nhà đầu tư chất lượng. Các hoạt động ngoại giao kinh tế như tổ chức hội nghị, đối thoại doanh nghiệp - chính quyền, tham gia hội chợ đầu tư quốc tế không chỉ thu hút vốn mà còn truyền tải thông điệp chính sách rõ ràng, qua đó định hướng dòng vốn vào các ngành trọng điểm như công nghệ cao, năng lượng sạch, chuyển đổi số và nông nghiệp bền vững (Rana, 2011; Bayne & Woolcock, 2017).

Ngoài ra, ngoại giao kinh tế còn đóng vai trò giám sát và phản hồi chính sách dựa trên phản ánh của cộng đồng nhà đầu tư quốc tế. Thông tin về rào cản kỹ thuật, bất định pháp lý hay kỳ vọng đầu tư được truyền từ các phái đoàn ngoại giao về trung ương để điều chỉnh chính sách cho phù hợp. Các hoạt động này góp phần tạo ra một vòng lặp phản hồi - điều chỉnh chính sách nhằm tăng sức hấp dẫn và tính bền vững của môi trường đầu tư.

Thực trạng cho thấy, ngoại giao kinh tế tại Việt Nam hiện nay đã vượt ra khỏi vai trò thuần túy xúc tiến đầu tư, trở thành công cụ điều phối lợi ích đa chiều và hoàn thiện khung chính sách, giúp mở rộng thu hút dòng vốn FDI theo hướng bền vững và chất lượng cao. Qua việc kết nối các chủ thể liên quan, thúc đẩy hoàn thiện thể chế, và phản hồi chính sách dựa trên kỳ vọng nhà đầu tư, ngoại giao kinh tế đã góp phần củng cố vị thế của Việt Nam như một điểm đến hấp dẫn và ổn định cho FDI trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu.

4.3. Đánh giá tổng thể

Thực trạng phát huy vai trò ngoại giao kinh tế trong định hướng thu hút FDI theo hướng bền vững ở Việt Nam cho thấy cả những bước tiến đáng kể và những hạn chế cần vượt qua.

4.3.1. Thành tựu

Việt Nam đã đạt được những bước tiến quan trọng trong việc tạo dựng môi trường đối ngoại ổn định, làm nền tảng cho thu hút vốn bền vững:

Thứ nhất, thiết lập mạng lưới đối tác chiến lược sâu rộng: Việc nâng cấp quan hệ với các cường quốc công nghệ đã trực tiếp mở đường cho dòng vốn FDI chất lượng cao vào các ngành bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số.

Thứ hai, lồng ghép chuẩn mực bền vững vào thể chế: Ngoại giao kinh tế đã giúp Việt Nam tham gia hiệu quả vào các FTA thế hệ mới (CPTPP, EVFTA), qua đó nội luật hóa các tiêu chuẩn cao về lao động và môi trường, tạo cơ chế “sàng” nhà đầu tư tự nhiên.

Thứ ba, cơ chế đối thoại hiệu quả: Các hoạt động ngoại giao kinh tế cấp cao đã tạo ra sự cam kết chính trị mạnh mẽ, giúp giải quyết các nút thắt pháp lý kịp thời, củng cố vị thế của Việt Nam như một điểm đến an toàn và bền vững trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

4.3.2. Hạn chế

Trước hết, cơ cấu FDI theo công nghệ và giá trị gia tăng chưa thực sự bền vững. Phần lớn dự án FDI vẫn tập trung vào khâu gia công, lắp ráp, sử dụng nhiều lao động, trong khi tỷ lệ dự án có hàm lượng công nghệ cao, hoạt động R&D và đổi mới sáng tạo còn khiêm tốn.

Thứ hai, liên kết giữa khu vực FDI và doanh nghiệp trong nước còn yếu, làm hạn chế khả năng lan tỏa công nghệ, kỹ năng quản trị và giá trị gia tăng nội địa. Trong nhiều trường hợp, FDI chưa trở thành động lực thúc đẩy phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp nội địa theo hướng bền vững, mà chủ yếu tồn tại như các “ốc đảo sản xuất” tách biệt.

Thứ ba, các vấn đề liên quan đến môi trường, sử dụng tài nguyên và trách nhiệm xã hội vẫn là thách

thức trong quản lý FDI. Một số dự án FDI có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, tiêu hao nhiều năng lượng hoặc tận dụng kẽ hở chính sách để tối ưu hóa lợi ích ngắn hạn, đi ngược lại mục tiêu phát triển bền vững dài hạn.

Thứ tư, một số địa phương chưa hoàn toàn đồng bộ trong việc lồng ghép định hướng phát triển bền vững vào chiến lược hút FDI, dẫn tới sự khác biệt về chất lượng dòng vốn giữa các vùng. Đồng thời, việc phối hợp liên ngành để giải quyết các thách thức về hạ tầng, điều kiện lao động và thủ tục hành chính vẫn còn điểm nghẽn, ảnh hưởng phần nào đến quyết định đầu tư dài hạn của nhà đầu tư nước ngoài và tính bền vững của dự án FDI.

Những hạn chế nêu trên bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân đan xen. Về phía chính sách, cơ chế sàng lọc và lựa chọn dự án FDI theo tiêu chí bền vững chưa được áp dụng một cách đồng bộ giữa Trung ương và địa phương. Trong bối cảnh cạnh tranh thu hút đầu tư, một số địa phương vẫn ưu tiên mục tiêu ngắn hạn về vốn và việc làm, chưa đặt đúng trọng tâm vào chất lượng và tác động dài hạn của dự án. Về phía năng lực nội tại, trình độ công nghệ, chất lượng nguồn nhân lực và năng lực hấp thụ của doanh nghiệp trong nước còn hạn chế, làm giảm hiệu quả lan tỏa của FDI. Điều này khiến ngay cả các dự án FDI có chất lượng tương đối cao cũng khó tạo ra tác động phát triển bền vững một cách toàn diện.

Nhìn chung, trong tương quan quốc tế, vai trò của ngoại giao kinh tế trong thu hút FDI của Việt Nam có những điểm tương đồng nhưng cũng tồn tại khác biệt so với một số quốc gia trong khu vực. Chẳng hạn, Singapore và Malaysia đã sử dụng ngoại giao kinh tế như một công cụ chủ động để thu hút các tập đoàn công nghệ cao và xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, thông qua việc kết hợp chặt chẽ giữa hoạt động đối ngoại, chính sách công nghiệp và chiến lược phát triển nguồn nhân lực. Trong khi đó, Việt Nam mặc dù đã đạt được những kết quả tích cực trong mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại và thu hút FDI, song vai trò định hướng của ngoại giao kinh tế đối với chất lượng dòng vốn đầu tư vẫn còn ở mức đang hoàn thiện, chưa thực sự trở thành một công cụ điều tiết mạnh mẽ như ở các nền kinh tế đi trước.

Ở góc độ lịch sử phát triển, vai trò của ngoại giao kinh tế trong thu hút FDI tại Việt Nam cũng có sự chuyển biến rõ rệt qua các giai đoạn. Trong giai đoạn trước năm 2010, ngoại giao kinh tế chủ yếu tập trung vào việc phá thế bao vây, mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế và thu hút tối đa các nguồn vốn đầu tư nước

ngoài nhằm phục vụ mục tiêu tăng trưởng. Từ sau năm 2015, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, vai trò của ngoại giao kinh tế đã dần chuyển từ “thu hút về lượng” sang “định hướng về chất”, chú trọng hơn đến các dự án công nghệ cao, thân thiện với môi trường và có khả năng liên kết với khu vực doanh nghiệp trong nước.

Tuy nhiên, so với yêu cầu phát triển bền vững trong giai đoạn hiện nay, sự chuyển đổi này vẫn chưa hoàn toàn đồng bộ giữa hoạt động đối ngoại và chính sách trong nước. Điều này cho thấy, ngoại giao kinh tế của Việt Nam đang trong quá trình chuyển từ chức năng xúc tiến đầu tư sang chức năng định hướng và điều tiết dòng vốn FDI, và cần tiếp tục được hoàn thiện để phát huy đầy đủ vai trò trong chiến lược phát triển dài hạn.

4.4. Một số giải pháp phát huy vai trò của ngoại giao kinh tế trong thu hút FDI vì phát triển bền vững ở Việt Nam

Trong bối cảnh cạnh tranh thu hút FDI ngày càng gay gắt và yêu cầu phát triển bền vững trở thành chuẩn mực toàn cầu, việc phát huy vai trò của ngoại giao kinh tế cần được tiếp cận như một công cụ chiến lược dài hạn, không chỉ nhằm gia tăng quy mô dòng vốn mà còn định hướng chất lượng, độ ổn định và tác động lan tỏa của FDI đối với nền kinh tế. Để phát huy tốt ngoại giao kinh tế trong thu hút đầu tư FDI, tác giả đề xuất một số nhóm giải pháp trọng tâm sau:

Thứ nhất, hoàn thiện định hướng chiến lược ngoại giao kinh tế gắn với mục tiêu FDI bền vững.

Trước hết, cần lồng ghép mục tiêu thu hút FDI bền vững một cách rõ ràng và nhất quán vào chiến lược ngoại giao kinh tế quốc gia. Ngoại giao kinh tế không nên chỉ tập trung vào xúc tiến đầu tư ngắn hạn, mà cần được xác định là công cụ phục vụ các mục tiêu dài hạn như tăng trưởng xanh, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và phát triển bao trùm.

Theo đó, các thông điệp đối ngoại về môi trường đầu tư Việt Nam cần nhấn mạnh rõ ưu tiên thu hút FDI công nghệ cao, FDI xanh và FDI có cam kết lâu dài, đồng thời hạn chế thu hút các dự án thâm dụng tài nguyên, lao động giá rẻ hoặc tiềm ẩn rủi ro môi trường. Việc định vị rõ ràng chiến lược này giúp “neo giữ kỳ vọng đầu tư” của các nhà đầu tư chiến lược, tạo sự đồng thuận giữa mục tiêu quốc gia và lợi ích của khu vực FDI.

Thứ hai, nâng cao vai trò điều phối lợi ích của ngoại giao kinh tế.

Ngoại giao kinh tế cần được phát huy mạnh mẽ hơn như cơ chế điều phối lợi ích đa tầng, giữa trung ương - địa phương - nhà đầu tư - doanh nghiệp trong

nước. Cụ thể, cần tăng cường vai trò của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài trong việc: Lựa chọn, sàng lọc và kết nối với nhà đầu tư chiến lược có định hướng dài hạn và tuân thủ chuẩn mực ESG; Truyền tải thống nhất định hướng chính sách FDI bền vững của Việt Nam tới các đối tác, tránh tình trạng “mỗi địa phương một thông điệp”; Thu thập, tổng hợp phản hồi từ cộng đồng nhà đầu tư quốc tế để phục vụ điều chỉnh chính sách trong nước.

Thông qua cơ chế này, ngoại giao kinh tế góp phần giảm xung đột lợi ích, hạn chế cạnh tranh thu hút FDI bằng ưu đãi ngắn hạn và nâng cao chất lượng điều hành FDI ở cả cấp quốc gia và địa phương.

Thứ ba, hoàn thiện thể chế và chính sách thu hút FDI bền vững.

Một giải pháp then chốt là phát huy vai trò của ngoại giao kinh tế trong tiếp thu và nội luật hóa các chuẩn mực đầu tư quốc tế. Quá trình đàm phán và thực thi các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới cần được tận dụng như một kênh để cải thiện khung pháp lý về đầu tư, bảo đảm tính minh bạch, ổn định và khả năng dự báo của chính sách.

Đồng thời, cần xây dựng cơ chế phản hồi chính sách hai chiều giữa Nhà nước và cộng đồng nhà đầu tư nước ngoài, trong đó ngoại giao kinh tế đóng vai trò cầu nối. Các kiến nghị liên quan đến thủ tục hành chính, tiêu chuẩn môi trường, lao động và chuyển giao công nghệ cần được tiếp nhận và xử lý kịp thời, nhằm nâng cao niềm tin của nhà đầu tư dài hạn và thúc đẩy FDI tái đầu tư.

Thứ tư, mở rộng không gian và đa dạng hóa nguồn FDI bền vững.

Ngoại giao kinh tế cần chủ động đa dạng hóa đối tác và nguồn vốn FDI, ưu tiên các quốc gia và khu vực có thế mạnh về công nghệ cao, năng lượng tái tạo, kinh tế số và quản trị bền vững. Việc giảm phụ thuộc vào một số nguồn vốn truyền thống không chỉ nâng cao khả năng chống chịu của nền kinh tế, mà còn góp phần nâng cao chất lượng dòng FDI.

Cùng với đó, cần tăng cường các hoạt động ngoại giao kinh tế chuyên đề, tập trung vào các lĩnh vực như FDI xanh, bán dẫn, trung tâm dữ liệu, logistics xanh và tài chính bền vững. Cách tiếp cận này giúp ngoại giao kinh tế đi vào chiều sâu, gắn trực tiếp với chiến lược phát triển dài hạn của Việt Nam.

Thứ năm, nâng cao năng lực triển khai ngoại giao kinh tế phục vụ FDI bền vững.

Cuối cùng, để các giải pháp trên phát huy hiệu quả, cần chú trọng nâng cao năng lực đội ngũ làm ngoại giao kinh tế, đặc biệt là kiến thức về đầu tư quốc tế, phát triển bền vững, ESG và chuỗi giá trị toàn cầu. Việc chuyên nghiệp hóa công tác ngoại giao kinh tế giúp nâng cao chất lượng tham vấn chính sách, xúc tiến đầu tư và điều phối lợi ích.

Bên cạnh đó, cần tăng cường cơ chế phối hợp liên ngành giữa ngoại giao, kế hoạch - đầu tư, công thương, tài nguyên - môi trường và chính quyền địa phương, nhằm bảo đảm sự đồng bộ trong triển khai chính sách FDI bền vững.

Nhìn chung, phát huy vai trò của ngoại giao kinh tế trong thu hút FDI vì phát triển bền vững đòi hỏi cách tiếp cận chiến lược, dài hạn và liên ngành. Khi được định vị đúng vai trò - từ xúc tiến đầu tư sang điều phối lợi ích và hoàn thiện chính sách - ngoại giao kinh tế sẽ trở thành nhân tố quan trọng giúp Việt Nam không chỉ thu hút nhiều FDI hơn, mà còn thu hút đúng loại FDI, phục vụ hiệu quả mục tiêu phát triển bền vững trong giai đoạn tới.

5. Kết luận

Nghiên cứu cho thấy, trong bối cảnh kinh tế thế giới nhiều biến động và cạnh tranh thu hút FDI ngày càng gay gắt, ngoại giao kinh tế ngày càng giữ vai trò quan trọng trong định hướng, mở rộng và nâng cao chất lượng dòng vốn FDI ở Việt Nam. Thực tiễn thu hút FDI trong những năm qua cho thấy, thông qua việc tạo dựng môi trường đối ngoại ổn định, củng cố niềm tin của nhà đầu tư và điều phối lợi ích giữa Nhà nước, địa phương và cộng đồng doanh nghiệp quốc tế, ngoại giao kinh tế đã góp phần duy trì dòng vốn FDI tương đối ổn định và thúc đẩy xu hướng chuyển dịch sang các lĩnh vực có giá trị gia tăng cao và thân thiện với môi trường.

Ngoại giao kinh tế không chỉ là công cụ hỗ trợ xúc tiến đầu tư, mà còn là một thiết chế mềm chiến lược trong việc “neo giữ kỳ vọng đầu tư”, giảm thiểu tác động của các cú sốc ngắn hạn và tạo điều kiện cho các dòng vốn FDI dài hạn, bền vững. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới, ngoại giao kinh tế cần tiếp tục được đổi mới theo hướng chủ động, chuyên sâu và gắn chặt hơn với mục tiêu phát triển bền vững.

- Alfaro, L., Chanda, A., Kalemli-Ozcan, S., & Sayek, S. (2004). FDI and economic growth: The role of local financial markets. *Journal of International Economics*, 64(1), 89-112.
- Bayne, N., & Woolcock, S. (2017), *The new economic diplomacy* (4th ed.). Routledge.
- Borensztein, E., De Gregorio, J., & Lee, J.-W. (1998), How does foreign direct investment affect economic growth? *Journal of International Economics*, 45(1), 115-135.
- Bộ Chính trị. (2019). *Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030*.
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư. (2025). *Báo cáo đầu tư nước ngoài năm 2024*. Hà Nội.
- CIEM (2020), *Foreign direct investment in Vietnam: Trends and policy issues*. Central Institute for Economic Management.
- Cục Thống kê. (2025). *Báo cáo tình hình thu hút đầu tư nước ngoài 6 tháng đầu năm 2025*. Bộ Tài chính.
- Dũng, N. S (2018), *Ngoại giao kinh tế Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế*. NXB Chính trị Quốc gia.
- Khoan, V. (2015). *Ngoại giao Việt Nam thời kỳ đổi mới*. NXB Chính trị Quốc gia.
- Moons, S., & Van Bergeijk, P. (2013). Does economic diplomacy work? A meta-analysis. *Applied Economics*, 45(17), 2311-2322.
- Nguyen, A. N., & Nguyen, T. (2007), Foreign direct investment in Vietnam: An overview and analysis. *Journal of the Asia Pacific Economy*, 12(2), 211-230.
- OECD. (2015). *Policy Framework for Investment*, 2015 Edition. Paris: OECD Publishing
- Okano-Heijmans, M. (2011), Conceptualizing economic diplomacy: The crossroads of international relations, economics, and business. *The Hague Journal of Diplomacy*, 6(1-2), 7-36.
- Rana, K. S. (2011). *Economic diplomacy: The experience of developing countries*. Palgrave Macmillan.
- Rose, A. K. (2007). The foreign service and foreign trade: Embassies as export promotion. *The World Economy*, 30(1), 22-38.
- Saner, R., & Yiu, L. (2014). International economic diplomacy: Mutations in post-modern times. *Clingendael Discussion Papers in Diplomacy*.
- Tổng cục Thống kê. (2025). *Niên giám Thống kê Việt Nam 2024*. NXB Thống kê.
- UNCTAD. (2014). *World investment report 2014: Investing in the SDGs*. United Nations.
- UNCTAD. (2023). *World investment report 2023: Investing in sustainable energy for all*. United Nations.
- Việt Nam News. (2026). *FDI inflows into Việt Nam exceed \$38 billion in 2025*. FDI inflows into Việt Nam exceed \$38 billion in 2025
- VietnamLaw & Legal Forum. (2026). *FDI inflows to Vietnam surge 42.9 per cent in Q1*. FDI inflows to Vietnam surge 42.9 per cent in Q1
- World Bank. (2023). *Vietnam Country Report*. Washington, DC.
- World Bank. (2020). *Global Investment Competitiveness Report 2019/2020*. Washington, DC.
- World Trade Organization. (2020). *World Trade Statistical Review 2020*. Geneva: WTO.